

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024  
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu  
và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 1483 + 1484)

**MẪU SỐ 12D****MẪU MỜI CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN  
GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN  
THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT  
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư, bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Thông báo mời thầu	Webform	X	
2	Mẫu số 02A. Phạm vi cung cấp dịch vụ (Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)		X	
3	Mẫu số 02B. Phạm vi cung cấp dịch vụ (Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	
4	Mẫu số 03. Yêu cầu về kỹ thuật		X	
5	Mẫu số 04. Đơn dự thầu			X
6	Mẫu số 05. Nhà thầu chào giá trực tuyến			X
7	Mẫu số 06. Phòng chào giá trực tuyến		<b>Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</b>	
8	Mẫu số 07. Kết quả chào giá trực tuyến			
9	Mẫu số 08. Thư chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng		X	
10	Mẫu số 09. Hợp đồng điện tử		X	X
11	Mẫu số 10. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng			X
12	Mẫu số 11. Bảo lãnh tiền tạm ứng			X

**THÔNG BÁO MỜI THẦU**  
**(theo quy trình rút gọn)**

<b>Thông tin cơ bản</b>	
Mã E-TBMT	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
Ngày đăng tải:	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
Phiên bản thay đổi:	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
<b>Thông tin chung của KHLCNT</b>	
Mã KHLCNT	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
Phân loại KHLCNT	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
<b>Thông tin gói thầu</b>	
Tên gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Chủ đầu tư	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Bên mời thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Nguồn vốn	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Lĩnh vực	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Hình thức lựa chọn nhà thầu	<i>Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn</i>

Loại hợp đồng	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Thời gian thực hiện gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Địa điểm thực hiện gói thầu	<i>[Bên mời thầu điền địa điểm thực hiện gói thầu]</i>
<b>Thông tin chào giá</b>	
Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến	<i>[Bên mời thầu điền thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến trong giờ hành chính, sau 3 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu]</i>
Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến	<i>[Bên mời thầu điền thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến trong giờ hành chính, tối thiểu 24h kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến]</i>
Giá trần	<p><i>[- Đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, Bên mời thầu điền giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, trường hợp dự toán duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì điền dự toán.</i></p> <p><i>- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, Bên mời thầu điền giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt chưa bao gồm phân chi phí dự phòng, trường hợp dự toán duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì điền dự toán chưa bao gồm chi phí dự phòng của gói thầu;</i></p> <p><i>- Đối với gói thầu chia phần (lô), bên mời thầu điền giá trị ước tính cho từng phần (lô) theo nguyên tắc nêu trên]</i></p>
Bước giá	<i>[Bên mời thầu điền bước giá trong khoảng từ 0,1% đến 0,3% giá trần]</i>
Bước giá cho gói thầu chia phần (lô)	<i>[Bên mời thầu điền bước giá trong khoảng từ 0,1% đến 0,3% giá trần của từng phần (lô).]</i>
Hiệu lực của đơn dự thầu	<i>[Bên mời thầu điền số ngày cho phù hợp]</i>

**Nguyên tắc chào giá trực tuyến theo Điều 99 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP**

- Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá.
- Mức giá do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu.
- Nhà thầu thực hiện chào giá theo Mẫu số 05. Giá chào cuối cùng của nhà thầu sẽ là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá trong thời gian chào giá trực tuyến.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu.

**Nguyên tắc xếp hạng nhà thầu theo Điều 101 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP**

- Nhà thầu có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
- Trường hợp các nhà thầu có giá chào bằng nhau thì nhà thầu chào giá trước sẽ được xếp hạng cao hơn nhà thầu chào giá sau.
- Trường hợp sau thời điểm kết thúc chào giá, có nhiều hơn một nhà thầu xếp hạng 1 (cùng chào một thời điểm) thì chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 18 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ**

*(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ <sup>(*)</sup>	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

**Ghi chú:**

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành các nội dung công việc để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Mẫu số 03.

*Đối với gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.*

**PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ**

*(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ <sup>(*)</sup>	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					
1						
2						
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng<sup>(8)</sup></b>		a%			

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Mẫu số 03 để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Ghi rõ a%:

- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định: a% là tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: a% là tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Đối với gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

## YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### 1. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Mục này đưa ra các yêu cầu về kỹ thuật đối với việc cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng mục tiêu ban đầu của Chủ đầu tư. Trong đó, các yêu cầu do Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra cần chú trọng vào sản phẩm đầu ra như tiêu chuẩn, quy cách, thông số kỹ thuật, chất lượng... của dịch vụ. Chủ đầu tư, Bên mời thầu cũng cần nêu các tiêu chuẩn về dịch vụ mà nhà thầu phải đáp ứng.

Chủ đầu tư có thể đưa ra các yêu cầu về đấu thầu bền vững để bảo đảm dịch vụ cung cấp cho gói thầu thân thiện với môi trường, xã hội (việc sử dụng các vật tư, vật liệu được chứng nhận nhãn sinh thái và tương đương; sử dụng vật liệu không nung, vật liệu bền vững, thân thiện môi trường có khả năng tái chế, tái sử dụng; hạn chế mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế nhà thầu.

### 2. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.



## ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-TBMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] mã E-TBMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-TBMT với giá dự thầu cuối cùng mà nhà thầu đã chào trực tuyến.

Hiệu lực của đơn dự thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất theo E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;

9. Trường hợp trúng thầu, chúng tôi cam kết sẽ tiến hành hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo đúng các yêu cầu của Mẫu số 02, Mẫu số 03 và giá dự thầu cuối cùng mà chúng tôi đã chào giá trên Hệ thống theo Mẫu số 05;

10. Trường hợp chúng tôi trúng thầu nhưng không thực hiện các cam kết trong đơn này và các nội dung đã đề xuất, chúng tôi sẽ bị đưa vào danh sách nhà thầu không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu (phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác), bị khóa tài khoản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu.

**NHÀ THẦU CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN**

Stt	Danh mục dịch vụ	Trọng số về đơn giá của dịch vụ <sup>(1)</sup>
(1)	(2)	(3)
	Dịch vụ thứ 1	$N_1$
	....	$N_2$
	Dịch vụ thứ n	$N_n$

Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ giá trị dịch vụ, thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(*)</sup>
<b>M</b>

(1) (2) Hệ thống tự trích xuất từ biểu mẫu mời thầu

(3) Nhà thầu điền các trọng số về đơn giá ( $N_1, N_2, \dots$ ) của từng hạng mục. Nhà thầu lưu ý, nhà thầu cần nghiên cứu công thức tính thành tiền và đơn giá dự thầu từ các trọng số để đề xuất các trọng số cho phù hợp. Đối với lần chào giá đầu tiên nhà thầu nhập các trọng số là đơn giá của dịch vụ nhà thầu dự kiến xác định sẽ chào. Đối với các lần chào giá sau, nhà thầu có thể thay đổi hoặc không thay đổi trọng số của từng hạng mục dịch vụ trong quá trình chào giá.

(\*) Nhà thầu chào giá **M** nhỏ hơn giá thấp nhất hiển thị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của các nhà thầu tham dự theo bước giá trong thông báo mời thầu. Khi chào giá trực tuyến, trường hợp nhà thầu không thay đổi trọng số đơn giá thì chỉ cần đưa ra giá dự thầu **M**.

Đối với gói thầu chia làm nhiều phần (lô), nhà thầu thực hiện theo mẫu này đối với từng phần (lô).

Nhà thầu lưu ý: đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, M chưa bao gồm chi phí dự phòng.

## BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA DỊCH VỤ

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền <i>đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)=(6)/(4)</i>	<i>(6)</i>
	<i>Dịch vụ thứ 1</i>		$K_1$	$D_1 = M / (K_1 + N_2/N_1 * K_2 + \dots + N_n/N_1 * K_n)$	$D_1 * K_1$
	<i>Dịch vụ thứ 2</i>		$K_2$	$D_2 = N_2/N_1 * D_1$	$D_2 * K_2$
	...		...	...	...
	<i>Dịch vụ thứ n</i>		$K_n$	$D_n = N_n/N_1 * D_1$	$D_n * K_n$
<b>Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ giá trị dịch vụ, thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>					<b>M</b>

Ghi chú:

(1) (2) (3) (4) Hệ thống tự trích xuất.

(5) (6) Hệ thống tự động tính theo công thức.

Đối với gói thầu chia làm nhiều phần (lô), hiển thị đối với từng phần (lô).

**Mẫu số 06 (webform trên Hệ thống)****PHÒNG CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN<sup>(\*)</sup>**

<b>Thời gian còn lại (1)</b>		<b>Thông tin quá trình chào giá trực tuyến</b>		
<b>Giá trần (2)</b>	<b>Bước giá (3)</b>	<b>Thời gian chào giá</b>	<b>Giá dự thầu</b>	<b>Xếp hạng</b>
<b>Giá thấp nhất hiện tại (4)</b>		<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>

Ghi chú:

(\*) Trường hợp gói thầu chia làm nhiều phần (lô), hiển thị kết quả của từng phần (lô).

(1): Hệ thống tự động tính toán thời gian chào giá còn lại.

(2) (3): Hệ thống trích xuất giá trần, bước giá trong thông báo mời thầu.

(4): Hệ thống hiển thị giá chào thấp nhất của các nhà thầu.

(5): Hệ thống hiển thị thời gian thực tế nhà thầu chào giá thành công.

(6): Hệ thống hiển thị giá chào thầu của nhà thầu.

(7): Hệ thống hiển thị thứ tự xếp hạng của các nhà thầu chào giá thành công trên Hệ thống.

**Mẫu số 07 (webform trên Hệ thống)****KẾT QUẢ CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN<sup>(1)</sup>****Số lượng nhà thầu tham dự:**

<b>Stt</b>	<b>Tên Nhà thầu</b>	<b>Mã nhà thầu</b>	<b>Giá dự thầu cuối cùng (M)</b>	<b>Thời gian chào giá cuối cùng</b>	<b>Xếp hạng nhà thầu</b>

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia làm nhiều phần (lô), hiển thị kết quả của từng phần (lô).

Trường hợp nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu được tính như sau:

- Đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, giá đề nghị trúng thầu là: M.

- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, giá đề nghị trúng thầu là:  $M + M \times a\%$ . Trong đó  $a\%$  được xác định tại Mẫu số 02B.

Mẫu số 08

**THƯ CHẤP THUẬN GIÁ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 09 với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Điều 7 Mẫu số 09 Hợp đồng điện tử*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Trường hợp Nhà thầu không thể có mặt tại thời gian, địa điểm nêu trên thì Nhà thầu phải có thông báo cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Trường hợp Nhà thầu vi phạm nhà thầu sẽ bị xử lý theo nội dung cam kết trong đơn dự thầu tại Mẫu số 4.

**Bên mời thầu**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Mẫu số 09

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*].

- Căn cứ Thư chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.



Điện thoại: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_; [*Đơn vị được ủy quyền điền thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai*]Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Fax: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Mẫu số 02A (hoặc Mẫu số 02B), Mẫu số 03 kèm theo E-TBMT số \_\_\_\_\_. [*Hệ thống trích xuất*]

**Điều 2. Trách nhiệm của Bên A và Bên B**

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng.

2. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này theo thời gian thực hiện hợp đồng nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**Điều 3. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, thuế****1. Tạm ứng:**

a) Bên A phải cấp cho Bên B khoản tiền tạm ứng: \_\_\_\_ [*ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Bên B xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 11*], sau khi Bên B nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu

lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Bên B hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

b) Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên A

2. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

3. Thanh toán:

a) Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.

b) Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ *[căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Bên B có thể quy định thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Bên A thanh toán chậm, Bên B sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán*

chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.

c) Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ: \_\_\_ [ghi “có áp dụng” hoặc “không áp dụng” Trường hợp áp dụng thì phải dẫn chiếu tới nội dung về giảm trừ thanh toán].

#### 4. Điều chỉnh thuế:

Điều chỉnh thuế: \_\_\_\_\_ [ghi “được phép” hoặc “không được phép” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].

#### **Điều 4. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo thông báo mời thầu].

#### **Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu trong thông báo mời thầu và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

#### **Điều 6. Sửa đổi hợp đồng**

1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

c) Các nội dung khác như: \_\_\_ [nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)].

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.

#### **Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:

a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;

b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu số 10 hoặc một mẫu khác được Bên A chấp thuận.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_% giá hợp đồng. *[ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ *[căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này].*

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

5. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Điều 8. Phát hiện sai sót, khắc phục sai sót**

1. Bên A thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định như sau: \_\_\_\_\_ *[nêu cụ thể nguyên tắc và cách thức].*

Bên A có thể hướng dẫn Bên B tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Bên A cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: \_\_\_\_\_ [nêu cụ thể thời gian].

2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Bên B cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Bên A thông báo cho Bên B về các sai sót cần khắc phục.

Khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A quy định trong thông báo. Trường hợp Bên B không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Bên A sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Bên B thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Bên B như quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này.

### **Điều 9. Phạt và bồi thường thiệt hại**

*Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:*

- Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.
- Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.
- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.

1. Phạt vi phạm hợp đồng: \_\_\_ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

*Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:*

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: \_\_\_\_\_%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị công việc chậm thực hiện] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến \_\_\_\_\_% [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng này.

Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với \_\_\_\_\_% [ghi cụ thể tỷ lệ %] chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

2. Bồi thường thiệt hại: \_\_\_ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:

- *Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;*

- *Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.*

### **Điều 10. Bất khả kháng**

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

### **Điều 11. Chấm dứt hợp đồng**

#### **1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm**

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;

b) Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Bên A có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

c) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Điều 12 của Hợp đồng này về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Bên B không thể thực hiện được hợp đồng.

#### **2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán**

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong



trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

### **Điều 12. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định: \_\_\_ [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: \_\_\_ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp].

### **Điều 13. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành tất cả quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**NHÀ THẦU**  
[xác nhận, chữ ký số]

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
[xác nhận, chữ ký số]

## Mẫu số 10

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của hợp đồng/biên bản hoàn thiện hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng/biên bản hoàn thiện hợp đồng.

Mẫu số 11

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG** <sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)  
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

**MẪU SỐ 12E**

**MẪU MỜI CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN  
THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN TRONG  
TRƯỜNG HỢP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG  
THEO ĐIỀU 131 NGHỊ ĐỊNH  
SỐ 24/2024/NĐ-CP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT  
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Thư mời chào giá trực tuyến	Webform	X	
2	Mẫu số 02. Chào giá trực tuyến			X
7	Mẫu số 03. Phòng chào giá trực tuyến		Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
8	Mẫu số 04. Kết quả chào giá trực tuyến			

**MỜI CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN**  
**(theo quy trình rút gọn)**

<b>Thông tin cơ bản</b>	
Mã E-TBMT:	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo mã E-TBMT của gói thầu]</i>
Ngày đăng tải:	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
Phiên bản thay đổi:	<i>[Hệ thống tự động điền]</i>
Tên gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Chủ đầu tư	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Bên mời thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
<b>Thông tin chào giá</b>	
Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến	<i>[Bên mời thầu điền thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến trong giờ hành chính, sau 3 ngày làm việc kể từ ngày gửi thư mời chào giá trực tuyến]</i>
Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến	<i>[Bên mời thầu điền thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến trong giờ hành chính, tối thiểu 24h kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến]</i>
Giá trần	<i>[Bên mời thầu điền giá dự thầu thấp nhất sau giảm giá trong biên bản mở thầu]</i>
Bước giá	<i>[Bên mời thầu điền bước giá trong khoảng từ 0,1% đến 0,3% giá trần]</i>
Hiệu lực của đơn chào giá trực tuyến	<i>[Có hiệu lực trong khoảng thời gian có hiệu lực của E-HSĐT]</i>

**Nguyên tắc chào giá trực tuyến theo Điều 99 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP**

- Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá.
- Mức giá do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá trong thời gian chào giá trực tuyến.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu.
- Đơn giá của các hạng mục sau khi kết thúc chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn được tính giảm đều theo các hạng mục trong phạm vi cung cấp theo tỷ lệ Giá dự thầu cuối cùng/Giá dự thầu trong đơn dự thầu.

**Nguyên tắc xếp hạng nhà thầu**

- Nhà thầu có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
- Trường hợp nhà các nhà thầu có giá chào bằng nhau thì nhà thầu chào giá trước sẽ được xếp hạng cao hơn nhà thầu chào giá sau.

## CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN

<b>Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu, thuế, phí, lệ phí (nếu có)<sup>(*)</sup></b>
<b>M</b>

(\*) Nhà thầu chào giá **M** nhỏ hơn giá thấp nhất hiển thị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của các nhà thầu tham dự theo bước giá trong thư mời chào giá trực tuyến.



**Mẫu số 3 (webform trên Hệ thống)****PHÒNG CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN**

<b>Thời gian còn lại (1)</b>		<b>Thông tin quá trình chào giá trực tuyến</b>		
<b>Giá trần (2)</b>	<b>Bước giá (3)</b>	<b>Thời gian chào giá</b>	<b>Giá dự thầu</b>	<b>Xếp hạng</b>
<b>Giá thấp nhất hiện tại (4)</b>		<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>

Ghi chú:

- (1): Hệ thống tự động tính toán thời gian chào giá còn lại.
- (2) (3): Hệ thống trích xuất giá trần, bước giá trong thư mời chào giá trực tuyến.
- (4): Hệ thống hiển thị giá chào thấp nhất của các nhà thầu.
- (5): Hệ thống hiển thị thời gian thực tế nhà thầu chào giá thành công.
- (6): Hệ thống hiển thị giá chào thầu của nhà thầu.
- (7): Hệ thống hiển thị thứ tự xếp hạng của các nhà thầu chào giá thành công trên Hệ thống.

**Mẫu số 4 (webform trên Hệ thống)****KẾT QUẢ CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN<sup>(\*)</sup>**

<b>Stt</b>	<b>Tên Nhà thầu</b>	<b>Mã nhà thầu</b>	<b>Giá dự thầu cuối cùng (M)</b>	<b>Thời gian chào giá cuối cùng</b>	<b>Xếp hạng nhà thầu</b>

Ghi chú:

Giá dự thầu cuối cùng (M) là cơ sở để tổ chuyên gia thực hiện:

- Xác định đơn giá, giá của các của các hạng mục công việc theo công thức:

Đơn giá<sub>mới</sub> = (M/giá dự thầu trong đơn) x đơn giá trong E-HSMT;

- Đánh giá lại đề xuất tài chính của nhà thầu theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính quy định trong E-HSMT, từ đó có căn cứ xếp hạng nhà thầu sau khi chào giá trực tuyến.

## MẪU SỐ 13

### MUA SẴM TRỰC TUYẾN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT  
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**BIỂU MẪU**

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Danh mục hàng hóa áp dụng mua sắm trực tuyến	Webform		X
2	Mẫu số 01A. Danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến (đối với dược liệu/vị thuốc cổ truyền)			X
3	Mẫu số 01B. Danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến (đối với thuốc Generic/Thuốc biệt dược gốc)			X
4	Mẫu số 01C. Danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền/Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa/Bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa			X
5	Mẫu số 02. Đơn hàng (dùng chung)		X	
6	Mẫu số 03. Thông báo xác nhận đơn hàng (dùng chung)			X
7	Mẫu số 04. Kết quả mua sắm trực tuyến (dùng chung)		<b>Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</b>	
8	Mẫu số 05. Hợp đồng điện tử (dùng chung)		X	X

**DANH MỤC HÀNG HÓA ÁP DỤNG MUA SẴM TRỰC TUYẾN<sup>(3)</sup>**

STT	Tên hàng hóa <sup>(1)</sup>	Ký, mã hiệu <sup>(1)</sup>	Nhãn hiệu <sup>(1)</sup>	Hãng sản xuất <sup>(1)</sup>	Xuất xứ <sup>(1)</sup>	Năm sản xuất <sup>(1)</sup>	Thông số kỹ thuật <sup>(1)</sup>	Mã HS (nếu có)	Đơn giá trúng thầu <sup>(1)</sup> (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu <sup>(1)</sup>	Phương thức vận chuyển <sup>(2)</sup>	Chi phí vận chuyển <sup>(2)</sup>	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ <sup>(2)</sup>
1											[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để bên mời thầu lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2													
3													
...													

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục hàng hóa áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được công khai trên Hệ thống. Sau khi thông tin hợp đồng được đăng tải, trường hợp các thông tin nêu trên có sự sai khác giữa kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng thì Hệ thống tự động cập nhật theo thông tin trong hợp đồng;

(2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;

(3) Danh mục hàng hóa sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

**DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG MUA SẴM TRỰC TUYẾN**  
(Đối với Dược liệu/Vị thuốc cổ truyền)

STT	Tên Dược liệu/Tên Vị thuốc cổ truyền <sup>(1)</sup>	Tên khoa học <sup>(1)</sup>	Bộ phận dùng <sup>(1)</sup>	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến <sup>(1)</sup>	Tiêu chuẩn chất lượng <sup>(1)</sup>	Phân nhóm <sup>(1)</sup>	Nguồn gốc <sup>(1)</sup>	Đơn giá trúng thầu <sup>(1)</sup> (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu <sup>(1)</sup>	Phương thức vận chuyển <sup>(2)</sup>	Chi phí vận chuyển <sup>(2)</sup>	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ <sup>(2)</sup>
1										[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để bên mời thầu lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2												
3												
...												

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được công khai trên Hệ thống. Sau khi thông tin hợp đồng được đăng tải, trường hợp các thông tin nêu trên có sự sai khác giữa kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng thì Hệ thống tự động cập nhật theo thông tin trong hợp đồng;

(2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;

(3) Danh mục thuốc sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

**DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG MUA SẮM TRỰC TUYẾN**  
**(Đối với Thuốc Generic/Thuốc biệt dược gốc)**

STT	Mã thuốc <sup>(1)</sup>	Tên hoạt chất <sup>(1)</sup>	Nồng độ/hàm lượng <sup>(1)</sup>	Nhóm thuốc/Tên thuốc hoặc tương đương <sup>(1)</sup>	Đường dùng <sup>(1)</sup>	Dạng bào chế <sup>(1)</sup>	Đơn giá trúng thầu <sup>(1)</sup> (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu <sup>(1)</sup>	Phương thức vận chuyển <sup>(2)</sup>	Chi phí vận chuyển <sup>(2)</sup>	Thông tin nhận đơn hàng/ Thông tin liên hệ <sup>(2)</sup>
1									[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để bên mời thầu lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2											
3											
...											

*Ghi chú:*

(1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được công khai trên Hệ thống. Sau khi thông tin hợp đồng được đăng tải, trường hợp các thông tin nêu trên có sự sai khác giữa kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng thì Hệ thống tự động cập nhật theo thông tin trong hợp đồng;

(2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;

(3) Danh mục thuốc sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.

**DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG MUA SẴM TRỰC TUYẾN**

(Đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền/Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa/Bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa)

STT	Mã thuốc (1)	Tên thành phần của thuốc (1)	Nồng độ/hàm lượng (1)	Đường dùng (1)	Dạng bào chế (1)	Nhóm thuốc (1)	Đơn giá trúng thầu (1) (VND)	Tên nhà thầu trúng thầu (1)	Phương thức vận chuyển (2)	Chi phí vận chuyển (2)	Thông tin nhận đơn hàng/Thông tin liên hệ (2)
1									[Nhà thầu nhập bảng giá cước vận chuyển để bên mời thầu lựa chọn khi tạo đơn hàng mua sắm trực tuyến]		
2											
3											
...											

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất danh mục thuốc áp dụng mua sắm trực tuyến từ thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm tập trung khi kết quả lựa chọn nhà thầu được công khai trên Hệ thống. Sau khi thông tin hợp đồng được đăng tải, trường hợp các thông tin nêu trên có sự sai khác giữa kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng thì Hệ thống tự động cập nhật theo thông tin trong hợp đồng;

(2) Nhà thầu trúng thầu cập nhật các thông tin này trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Hệ thống. Đối với chi phí vận chuyển (theo địa bàn/theo tỉnh, thành), nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị vận chuyển để có cơ sở xác định chi phí này;

(3) Danh mục thuốc sau khi cập nhật đầy đủ thông tin được công khai trên Hệ thống để áp dụng mua sắm trực tuyến.



**ĐƠN HÀNG<sup>(1)</sup>**

Kính gửi: *[Hệ thống trích xuất tên và địa chỉ của nhà thầu trúng thầu]*

Về việc: *mua hàng hóa trực tuyến*

Chủ đầu tư *[Hệ thống tự động trích xuất tên đơn vị tạo đơn hàng]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) thông báo về nhu cầu mua hàng với nội dung đơn hàng như sau:

<b>Thông tin chung của gói thầu</b>	
Mã KHLCNT	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Chủ đầu tư	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo tên đơn vị tạo đơn hàng]</i>
Tên gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Giá gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Loại Hợp đồng	Trọn gói
<b>Thông tin đơn hàng</b>	
Số hiệu đơn hàng	<i>[Hệ thống tự sinh ra]</i>
Giá trị đơn hàng	<i>[Hệ thống tự động tính theo Thành tiền]</i>
Nội dung đơn hàng	<i>[Hệ thống trích xuất thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 103 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 tương ứng với các Mẫu số 01, Mẫu số 01A, Mẫu số 01B, Mẫu số 01C, trừ thông tin về phương thức thanh toán và địa điểm giao hàng do chủ đầu tư cập nhật]</i>

Ghi chú: (1) Chủ đầu tư ký số khi hoàn tất thông tin đơn hàng.

**THÔNG BÁO XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Số hiệu đơn hàng: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất tên đơn vị tạo đơn hàng*]

Tên nhà thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất tên và mã số thuế của nhà thầu*] xác nhận cung cấp đơn hàng thực hiện gói thầu \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số hiệu đơn hàng: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong đơn hàng mua sắm trực tuyến với giá (tổng số tiền) là \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với bảng tổng hợp giá trị đơn hàng kèm theo.

*Ghi chú:*

(1) Thông báo xác nhận đơn hàng được ký bằng chữ ký số của nhà thầu.

**I. NỘI DUNG XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG<sup>(1)</sup>**

ĐƠN HÀNG SỐ HIỆU: *[Hệ thống tự động trích xuất theo đơn hàng đã được xác nhận]*

Ngày xác nhận: *[Hệ thống tự động trích xuất theo đơn hàng đã được xác nhận]*

Tên nhà thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất theo đơn hàng đã được xác nhận]*

**II. NỘI DUNG TỪ CHỐI ĐƠN HÀNG**

STT	Số hiệu đơn hàng	Ngày đặt hàng	Giá trị đơn hàng	Nhà thầu	Từ chối đơn hàng <sup>(2)</sup>	Ngày từ chối đơn hàng	Lý do
1							
2							
3							

*Ghi chú:*

*(1) Nội dung này được Hệ thống tự động trích xuất theo thông tin nội dung đơn hàng tại Mẫu số 02.*

*(2) Bao gồm cả trường hợp nhà thầu không xác nhận đơn hàng trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đặt hàng.*

**KẾT QUẢ MUA SẮM TRỰC TUYẾN**

<b>Thông tin chung của gói thầu</b>	
Mã KHLCNT	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Chủ đầu tư	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Bên mời thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo tên đơn vị tạo đơn hàng]</i>
Tên gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Giá gói thầu	<i>[Hệ thống tự động trích xuất theo KHLCNT]</i>
Loại Hợp đồng	Trọn gói

<b>Thông tin đơn hàng</b>	
Số hiệu đơn hàng	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Ngày xác nhận	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Nhà thầu được lựa chọn	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>
Giá trị đơn hàng	<i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i>

Mẫu số 05

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo kết quả mua sắm trực tuyến*]Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo kết quả mua sắm trực tuyến*]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ kết quả mua sắm trực tuyến gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] [*Hệ thống trích xuất theo kết quả mua sắm trực tuyến*];

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*].

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Fax: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]E-mail: \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A) [Hệ thống trích xuất] (nếu có)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_; [Đơn vị được ủy quyền điền thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất].

### **Điều 2. Trách nhiệm của Bên A và Bên B**

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng.

2. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này theo thời gian giao hàng nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 3. Giá hợp đồng, thanh toán, thuế, phí, lệ phí**

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Thanh toán:

a) Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao cùng với chứng từ: \_\_\_ [ghi cụ thể các loại chứng từ, tài liệu] và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.

b) Phương thức thanh toán: \_\_\_ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Bên B có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy

*định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.*

*Bên B được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với hợp đồng trọn gói, trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].*

### 3. Thuế, phí, lệ phí:

a) Bên B chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A;

b) Trường hợp Bên B thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Bên A tạo điều kiện tối đa cho Bên B áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

c) Việc điều chỉnh thuế: \_\_\_\_ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].

### **Điều 4. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: Trọn gói

### **Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

### **Điều 6. Sửa đổi hợp đồng**

1. Bên A có thể yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi dịch vụ liên quan;
- d) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.



2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Bên B về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được yêu cầu của Bên A về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Bên B đề xuất và đáp ứng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng này thì Bên B phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A để Bên A xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Bên A có thể chấp thuận đề xuất của Bên B với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

### **Điều 7. Bảo hành**

1. Bên B bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. Bên B bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Bên B hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

2. Thời hạn bảo hành là: \_\_\_\_\_ ngày [ghi số ngày]. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: \_\_\_\_\_ [ghi tên một hoặc một số địa điểm] [Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Bên B có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Bên B. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Bên A giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Bên B (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Bên B khi hai bên thanh lý hợp đồng)].

3. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Bên A kịp thời thông báo cho Bên B, kèm theo tài liệu chứng minh. Bên A tạo điều kiện cho Bên B tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

4. Sau khi nhận được thông báo của Bên A về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Bên B phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn: \_\_\_\_ ngày [ghi số ngày] và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

5. Trường hợp đã được thông báo nhưng Bên B không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này, Bên A có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Bên B phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Bên A tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Bên A đối với Bên B theo hợp đồng.

### **Điều 8. Phạt và bồi thường thiệt hại**

1. Phạt vi phạm hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

*Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:*

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng này, nếu Bên B không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: \_\_\_\_%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến \_\_\_\_% [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại: \_\_\_\_ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

*Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:*

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự

### **Điều 9. Bất khả kháng**

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

### **Điều 10. Chấm dứt hợp đồng**

#### **1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm**

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên A xác định Bên B vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Bên A chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Bên A có thể mua sắm hàng hóa tương tự như các hàng hóa chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa tương tự đó. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

## 2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

## Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong\_\_\_ [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết:\_\_\_ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (tòa án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].

## Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ\_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành tất cả quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**NHÀ THẦU**  
[xác nhận, chữ ký số]

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
[xác nhận, chữ ký số]

## MẪU SỐ 14A

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG  
CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,  
MUA SẴM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP,  
MƯỢN THIẾT BỊ Y TẾ  
CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN QUY TRÌNH  
THƯỜNG  
(theo quy trình số 01)  
(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT  
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

---

**PHẦN I:**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

*Tên gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]*

*Dự án/dự toán mua sắm: [trích xuất từ Hệ thống]*

*Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]*

*Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]*

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu \_\_\_\_\_ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>				
2	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) <sup>(2)</sup>				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:				
3.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>				
3.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>				
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>				
3.1.6	Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp <sup>(4)</sup>				
3.1.7	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực <sup>(5)</sup>				
4	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(6)</sup>				
5	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>				



Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
6	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có) đối với phần công việc tư vấn của gói thầu EPC, EP, EC <sup>(7)</sup> .				
	<b>Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì mục 3 được quy định như sau:</b>				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:				
3.1.1	Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật <sup>(3)</sup>				
3.1.2	Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>				
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.1.5	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực <sup>(5)</sup>				
	<b>Đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân thì mục 3 và mục 5 được quy định như sau:</b>				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ <sup>(3)</sup>				
3.2	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>				
3.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.5	Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định <sup>(8)</sup>				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu <sup>(3)</sup>				
<b>KẾT LUẬN</b>					

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.
- (2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh (webform trên Hệ thống)
- (3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ

thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt"

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu  $\leq 5$  tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. Trường hợp gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đáp ứng yêu cầu thì khi tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(5) Chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng và người có thẩm quyền quyết định chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực. Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở tài liệu chứng minh của nhà thầu. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(7) Chỉ áp dụng đối với gói thầu EPC, EC, EP. Tổ chuyên gia đánh giá.

(8) Tổ chuyên gia đánh giá theo chứng chỉ chuyên môn đính kèm của cá nhân.

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

E-HSDT của nhà thầu \_\_\_\_ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT <sup>(1)</sup>			Thông tin trong E-HSDT <sup>(2)</sup>	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống <sup>(3)</sup>		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(4)</sup>	
Stt	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
<b>Kết luận</b>							

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform
- Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu

- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin được trích xuất hoặc thông tin do nhà thầu cập nhật; đối với số liệu trước năm 2021, hệ thống đánh giá căn cứ thông tin do nhà thầu kê khai. Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế.

+ Đối với tiêu chí kết quả hoạt động tài chính: Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

+ Đối với tiêu chí về doanh thu bình quân hằng năm: Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư để chứng minh.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

Trường hợp nhà thầu liên danh tham gia gói thầu EPC, EP, PC và trong phần cung cấp hàng hóa có các sản phẩm được ưu đãi nêu trên (sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm được sản xuất từ chuyển giao công nghệ, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam) thì chỉ thành viên liên danh sản xuất đồng thời cung cấp các sản phẩm này được hưởng ưu đãi khi tính doanh thu bình quân hằng năm.

(4) Tổ chuyên gia đánh giá đối với các nội dung sau:

- Đánh giá các nội dung ngoài các nội dung mà Hệ thống đánh giá tự động:

+ Nguồn lực tài chính (đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC). Trường hợp nhà thầu cung cấp cam kết cung cấp tín dụng theo quy định của E-HSMT, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

+ Hợp đồng tương tự; năng lực sản xuất; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác.

- Các nội dung Hệ thống đánh giá là "đạt" mà Tổ chuyên gia xét thấy phải đánh giá lại. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**  
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSĐT của nhà thầu: \_\_\_\_\_

Stt	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Mức điểm quy định trong E-HSMT <sup>(2)</sup>		ĐÁNH GIÁ <sup>(3)</sup>		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
<b>TỔNG CỘNG</b>						
<b>KẾT LUẬN<sup>(4)</sup></b>						

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.



**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**  
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu \_\_\_\_\_

Stt	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Kết quả đánh giá <sup>(2)</sup>			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
<b>KẾT LUẬN<sup>(3)</sup></b>						

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí “Chấp nhận được” chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung “Chấp nhận được”.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

**XÁC ĐỊNH  $\Delta_G$**   
**(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá)**

E-HSDT của nhà thầu \_\_\_\_\_

Stt	Công thức xác định $\Delta_G$	$\Delta_G^{(1)}$
1		
2		
3		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1)  $\Delta_G$  tại biểu này chưa bao gồm  $\Delta_{UD}$  phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mẫu số 05.

Không cần xác định  $\Delta_G$  nếu chỉ có 01 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG  
ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU  
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC)**

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định mức ưu đãi nhà thầu được hưởng. Danh mục hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở xác định  $\Delta_{ƯĐ}$  như sau:

Stt	Nhà thầu <sup>(2)</sup> Hàng hóa <sup>(1)</sup>	Nhà thầu 1			...	Nhà thầu N		
		Loại hàng hóa <sup>(3)</sup>	Giá của hàng hóa sau khi trừ đi giảm giá (nếu có) <sup>(4)</sup>	$\Delta_{ƯĐ}$ <sup>(5)</sup>		Loại hàng hóa <sup>(3)</sup>	Giá của hàng hóa sau khi trừ đi giảm giá (nếu có) <sup>(4)</sup>	$\Delta_{ƯĐ}$ <sup>(5)</sup>
	Hàng hóa 1							
	Hàng hóa 2							
	Tổng cộng							

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ghi chú:*

*(1) Ghi tên các hàng hóa được ưu đãi;*

*(2) Ghi tên các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;*

*(3) Ghi loại hàng hóa theo quy tắc như sau:*

*- Ghi số “0” với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*- Ghi số “1” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%;*

*- Ghi số “2” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

*- Ghi số “3” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên;*

*- Ghi số “4” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

*- Ghi số “5” với Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.*

*(4): Ghi giá dự thầu của hàng hóa trong E-HSĐT sau khi trừ đi giảm giá (nếu có). Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, ghi giá chào cuối cùng (bao gồm thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau khi kết thúc chào giá trực tuyến.*

*(5)  $\Delta_{\text{ƯD}}$  được tính tương ứng theo quy định tại E-HSMT;*

Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc tất cả các nhà thầu cùng chào hàng hóa được hưởng ưu đãi như nhau hoặc cùng chào hàng hóa không được hưởng ưu đãi.

**HIỆU CHỈNH SAI LỆCH THỪA<sup>(1)</sup>**

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_\_

STT	Hạng mục chào thầu <sup>(2)</sup>	Giá trị chào thầu	Ghi chú
1.		T <sub>1</sub>	
2.		T <sub>2</sub>	
.....		...	
n.		T <sub>n</sub>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>T</b>	
<b>KẾT LUẬN<sup>(3)</sup></b>			

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng việc hiệu chỉnh sai lệch thầu theo quy định trong E-HSMT đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng loại hợp đồng trọn gói.

(2) Hạng mục mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT thừa so với yêu cầu để hoàn thành thiết kế trong E-HSMT (đối với gói thầu xây lắp, PC) hoặc hạng mục thừa so với yêu cầu thực hiện gói thầu (đối với gói thầu EPC, EC), để hoàn thành phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.

(3) Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch thầu; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**  
**(Phương pháp giá đánh giá)**

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_\_

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có)	
2	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa <sup>(1)</sup>	Giá trị T theo Mẫu số 06
3	Giá trị giảm giá (nếu có)	
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
5	$\Delta_G^{(2)}$	Theo Mẫu số 04
6	$\Delta_{UD}^{(3)}$ (nếu có)	Theo Mẫu số 05
7	Giá đánh giá <sup>(4)</sup>	

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC sử dụng loại hợp đồng trọn gói (nếu có)

(2) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường sử dụng phương pháp giá đánh giá, việc xác định giá đánh giá thực hiện trên cơ sở giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.

(3)  $\Delta_{UD}$ : chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC

(4) Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có)

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

Không cần xác định giá đánh giá nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**  
**(Phương pháp giá thấp nhất)**

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_\_

STT	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) <sup>(1)</sup>	
2	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa <sup>(2)</sup>	Giá trị T theo Mẫu số 06
3	Giá trị giảm giá (nếu có)	
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
5	$\Delta_{UĐ}$ <sup>(3)</sup>	Theo Mẫu số 05
6	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và sau khi tính ưu đãi (nếu có) <sup>(4)</sup>	

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.



(2) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng hợp đồng trọn gói (nếu có).

(3)  $\Delta_{UD}$ : chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, PC, EP.

(4) Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ  
ĐÁNH GIÁ E-HSDT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

### I. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất]
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất]
- Tên dự án/dự toán mua sắm: [Hệ thống trích xuất]
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan: (Phần này tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT liệt kê).

#### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn đấu thầu] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án/dự toán mua sắm [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Chủ đầu tư] và \_\_\_\_\_ [Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu] về việc thuê tổ chức đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án/dự toán mua sắm [trích xuất từ Hệ thống].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.*

**Bảng số 01**

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

*Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.*

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

### 1. Biên bản mở thầu

*[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]*

### 2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ của E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 02** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 01)*

**Bảng số 02**

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ: *(Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu.*

### 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 03** dưới đây: (trích xuất từ Mẫu số 02):

**Bảng số 03**

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có).*

### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 04** dưới đây: (tổng hợp từ Mẫu số 03A hoặc Mẫu số 03B):

**Bảng số 04**

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDT (nếu có)). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSDT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

### 5. Kết quả đánh giá về tài chính

Kết quả đánh giá về tài chính được tổng hợp theo **Bảng số 05** dưới đây: (được tổng hợp từ Mẫu số 07A hoặc Mẫu số 07B):

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có)			
2	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có)			
3	Giá trị giảm giá (nếu có)			
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
	<b>Phương pháp giá thấp nhất</b>			
5	$\Delta_{\text{ƯĐ}}$ (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC, nếu có)			
6	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)			
	<b>Phương pháp giá đánh giá</b>			
5	$\Delta_G$			
6	$\Delta_{\text{ƯĐ}}$ (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, EPC, EP, PC, nếu có)			
7	Giá đánh giá			

*Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).*

*Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.*

### 6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 06** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 06**

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT			
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm			
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật			
	<b>Phương pháp giá thấp nhất</b>			
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)			
5	Xếp hạng các E-HSDT*			
	<b>Phương pháp giá đánh giá</b>			
6	Giá đánh giá (sau khi tính ưu đãi)			
7	Xếp hạng các E-HSDT*			

*Ghi chú \*:*

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian đối với gói thầu phi tư vấn, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.

- Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

- Trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau thì thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 18 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, không cần xác định ưu đãi, giá đánh giá, xếp hạng nhà thầu.

### III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá E-HSMT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

*1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu.*

*Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, tên các nhà thầu được đề nghị trúng thầu là danh sách các nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị của hạng mục nhà thầu dự thầu theo thứ tự từ thấp đến cao cho đến khi tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu trúng thầu chào thầu bằng số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT và ghi giá đề nghị trúng thầu tương ứng với từng nhà thầu.*

*2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*

*3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSMT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý. [Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

### IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

<b>Stt</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Ý kiến bảo lưu</b>	<b>Lý do</b>	<b>Ký tên</b>

*[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*

**MẪU SỐ 14B**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG  
CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,  
MUA SẴM HÀNG HÓA,  
MƯỢN THIẾT BỊ Y TẾ  
(theo quy trình số 02)  
(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT  
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*



**PHẦN I:**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

*Tên gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]*

*Dự án/dự toán mua sắm: [trích xuất từ Hệ thống]*

*Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]*

*Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]*

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_\_ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>				
2	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) <sup>(2)</sup>				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:				
3.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>				
3.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>				
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>				
3.1.6	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực <sup>(4)</sup>				
4	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(5)</sup>				
5	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>				
	<b>Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì mục 3 được quy định như sau:</b>				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:				
3.1.1	Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật <sup>(3)</sup>				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.1.2	Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>				
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.1.5	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực <sup>(4)</sup>				
	<b>Đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân thì mục 3 và mục 4 được quy định như sau:</b>				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ <sup>(3)</sup>				
3.2	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>				
3.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>				
3.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.5	Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định <sup>(6)</sup>				
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu <sup>(3)</sup>				
<b>KẾT LUẬN</b>					

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.
- (2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh (webform trên Hệ thống).

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng và người có thẩm quyền quyết định chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực. Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở tài liệu chứng minh của nhà thầu. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(5) Hệ thống tự động đánh giá.

(6) Tổ chuyên gia đánh giá theo chứng chỉ chuyên môn đính kèm của cá nhân

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT <sup>(1)</sup>			Thông tin trong E-HSDT <sup>(2)</sup>	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống <sup>(3)</sup>		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(4)</sup>	
Stt	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
<b>Kết luận</b>							

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform
- Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu
- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin được trích xuất hoặc thông tin do nhà thầu cập nhật; đối với số liệu trước năm 2021, hệ thống đánh giá căn

cứ thông tin do nhà thầu kê khai. Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế.

+ Đối với tiêu chí kết quả hoạt động tài chính: Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

+ Đối với tiêu chí về doanh thu bình quân hàng năm: Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư để chứng minh.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

(4) Tổ chuyên gia đánh giá đối với các nội dung sau:

- Đánh giá các nội dung ngoài các nội dung mà Hệ thống đánh giá tự động:

+ Hợp đồng tương tự; năng lực sản xuất; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác.

- Các nội dung Hệ thống đánh giá là "đạt" mà Tổ chuyên gia xét thấy phải đánh giá lại. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.



**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**  
**(Sử dụng phương pháp chấm điểm)**

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_\_

Stt	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Mức điểm quy định trong E-HSMT <sup>(2)</sup>		ĐÁNH GIÁ <sup>(3)</sup>		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
<b>TỔNG CỘNG</b>						
<b>KẾT LUẬN<sup>(4)</sup></b>						

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**  
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu: \_\_\_\_\_

Stt	Nội dung đánh giá <sup>(1)</sup>	Kết quả đánh giá <sup>(2)</sup>			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
<b>KẾT LUẬN<sup>(3)</sup></b>						

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí “chấp nhận được” chỉ áp dụng khi nội dung tiêu chuẩn đánh giá trong E-HSMT có quy định về nội dung “Chấp nhận được”.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ  
ĐÁNH GIÁ E-HSDT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất tên bên mời thầu]

### I. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất]
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất]
- Tên dự án/dự toán mua sắm: [Hệ thống trích xuất]
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan: (Phần này tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT liệt kê).

#### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn đấu thầu] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án/dự toán mua sắm [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Chủ đầu tư] và \_\_\_\_\_ [Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án/dự toán mua sắm [trích xuất từ Hệ thống].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại Bảng số 01.*

**Bảng số 01**

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

*Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.*

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

### 1. Kết quả mở thầu

a) Kết quả mở thầu được tổng hợp theo **Bảng số 02** dưới đây (*sắp xếp theo thứ tự giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) từ thấp đến cao*):

**Bảng số 02**

Stt	Tên nhà thầu	Giá gói thầu	Giá dự thầu	Giá trị giảm giá (nếu có)	Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)	Xếp hạng nhà thầu

### 2. Kết quả đánh giá tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật

Kết quả đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật của E-HSDT xếp thứ nhất được tổng hợp theo **Bảng số 03** dưới đây (*tổng hợp từ Mẫu số 01, 02, 03A hoặc 03B*):

**Bảng số 03**

Tên nhà thầu	Tính hợp lệ	Năng lực, kinh nghiệm	Kỹ thuật
Nhà thầu xếp thứ nhất			

- Thuyết minh trong trường hợp E-HSDT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu (nếu có)).

- Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có).

[Trường hợp E-HSDT xếp thứ nhất được đánh giá là không đáp ứng về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật thì thực hiện đánh giá tương tự các nội dung trên đối với E-HSDT xếp hạng tiếp theo].

### **3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT**

Kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 04** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 04**

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả mở thầu (giá dự thầu sau khi trừ đi giảm giá)	Xếp hạng	Đánh giá E-HSDT			Kết luận
				Tính hợp lệ	Năng lực, kinh nghiệm	Kỹ thuật	

Đối với các E-HSDT không được xem xét, đánh giá thì tại các cột đánh giá E-HSDT ghi “Không đánh giá”.

Tổ chuyên gia nêu các ý kiến nhận xét (nếu có): \_\_\_\_\_

### **III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Tên nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu.

2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSMT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi **KHÔNG CÓ**]

#### **IV. Ý KIẾN BẢO LƯU**

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Ý kiến bảo lưu</b>	<b>Lý do</b>	<b>Ký tên</b>

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi **KHÔNG CÓ**]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

(Xem tiếp Công báo số 1487 + 1488)

---

---

## VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng